

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÙI XUÂN HÒA

**QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI NGÂN
HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 60.34.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Như Liêm

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Văn Huy

Phản biện 2: TS. Đoàn Gia Dũng

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 07 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại Học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

BIDV Bình Định đã và đang tập trung đẩy mạnh cho vay và cung ứng các dịch vụ ngân hàng đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp XNK tất yếu phát sinh rủi ro, và ngân hàng không thể loại bỏ hoàn toàn, mà chỉ có thể áp dụng các biện pháp để phòng ngừa và giảm tối đa thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Chính vì vậy công tác quản trị rủi ro trong cho vay là một trong những công tác quan trọng để giảm thiểu tổn thất, bảo đảm cho ngân hàng hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài: *"Quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định"* cho luận văn thạc sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu giải quyết ba vấn đề cơ bản : (1) Làm rõ một số cơ sở lý luận về quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp XNK của NHTM; (2) Phân tích thực trạng quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình Định; (3) Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần tăng cường quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình Định.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại.

Phạm vi nghiên cứu là quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp chuyên hoạt động xuất nhập khẩu của BIDV Bình Định, với thông tin số liệu trong giai đoạn 2010-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu bao gồm: Phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh, diễn dịch, phương pháp thống kê.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu của đề tài gồm:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình định.

Chương 3: Tăng cường quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình định.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu là một vấn đề khá mới mẻ ở Việt Nam và có rất ít đề tài nghiên cứu viết về vấn đề này. Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả tham khảo các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan như:

- Một số luận văn có những nội dung nghiên cứu liên quan.
- Một số cuốn sách chuyên ngành về tài chính tiền tệ, quản trị ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế, nghiệp vụ quản lý xuất nhập khẩu, các tài liệu giảng dạy bộ môn quản trị ngân hàng thương mại của Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng.
- Tác giả cũng tham khảo thêm một số tài liệu có tính thực tiễn hơn, bao gồm : Luật các tổ chức tín dụng, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN; Các báo cáo thường niên, quy trình, văn bản, chế độ chính sách do BIDV ban hành; Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2009 – 2012 của BIDV Bình Định cũng là nguồn tài liệu quan trọng giúp tác giả tập hợp số liệu cho đề tài.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong luận văn này được hiểu là doanh nghiệp trực tiếp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu, là chủ thể của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Kinh doanh XNK liên quan đến nhiều quốc gia khác nhau nên cũng có các đặc điểm cơ bản liên quan đến yếu tố nước ngoài.

1.1.2. Các hình thức cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu của NHTM

Cho vay XNK của ngân hàng thương mại bao gồm nhiều hình thức khác nhau và tùy trình độ phát triển của ngân hàng và những qui định của pháp luật mà các ngân hàng lựa chọn áp dụng các hình thức cho phù hợp. Trong luận văn này xem xét một số hình thức cho vay XNK thông dụng như:

a. Cho vay đối với doanh nghiệp xuất khẩu:

- Cho vay thông thường.
- Cho vay trên cơ sở hối phiếu.
- Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu.
- Cho vay ứng trước cho người xuất khẩu.
- Cho vay ứng trước trong phương thức nhờ thu kèm chứng từ.
- Cho vay ứng trước trong phương thức tín dụng chứng từ.
- Tín dụng xuất khẩu bao thanh toán.

b. Cho vay đối với doanh nghiệp nhập khẩu:

- Cho vay mở thư tín dụng (L/C).
- Tín dụng chấp nhận hối phiếu.
- Cho vay ứng trước cho nhà nhập khẩu.
- Cho vay doanh nghiệp nhập khẩu theo hạn mức.

1.2. KHÁI NIỆM RỦI RO CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK

a. Khái niệm rủi ro cho vay

Rủi ro cho vay của ngân hàng có thể hiểu là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động cho vay của ngân hàng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết.

Rủi ro cho vay ở đây không chỉ là những rủi ro đã xảy ra, đang hiện hữu, mà phải đặc biệt quan tâm đến những nguy cơ phát sinh rủi ro, những rủi ro tiềm ẩn.

b. Đặc điểm của rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK

Rủi ro trong cho vay doanh nghiệp XNK có các đặc điểm cơ bản như: rủi ro mang tính gián tiếp, có tính chất đa dạng và phức tạp, có tính tất yếu, luôn tồn tại, gắn liền với rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh toán XNK, gắn liền với những thay đổi về môi trường pháp lý, những thay đổi về kinh tế, chính trị các nước liên quan.

1.2.2. Phân loại rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK

Rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK bao gồm Rủi ro giao dịch (Transaction risk), Rủi ro danh mục (Portfolio risk). Ngoài ra, rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK còn được phân thành rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan.

1.2.3. Hậu quả (tác động) của rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động cho vay doanh nghiệp XNK của ngân hàng thương mại, và gây ra những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chính ngân hàng cho vay, đồng thời ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, thậm chí có thể lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Do đó, đòi hỏi các ngân hàng phải có chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất trong cho vay.

1.3. QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHTM

1.3.1. Khái niệm và vai trò của quản trị rủi ro cho vay

Quản trị rủi ro cho vay là quá trình tiếp cận rủi ro cho vay một cách khoa học, toàn diện và có hệ thống nhằm nhận dạng, đo lường, kiểm soát, và tối thiểu hoá những tác động bất lợi của rủi ro cho vay đối với hoạt động của ngân hàng. Quản trị rủi ro cho vay là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, các chính sách cho vay nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu trong cho vay, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho vay cả trong ngắn hạn và dài hạn của NHTM.

Quản trị rủi ro cho vay có vai trò quan trọng, gắn liền với quản trị và kinh doanh tín dụng là một trong những hoạt động chủ đạo của NHTM. Nói một cách cụ thể hơn thì quản trị rủi ro cho vay nhằm vào việc hạ thấp rủi ro cho vay, nâng cao mức độ an toàn cho kinh doanh của NHTM bằng các chính sách các biện pháp quản lý, giám sát các hoạt động cho vay khoa học và hiệu quả.

1.3.2. Nội dung quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK trong NHTM

a. Nhận diện rủi ro trong cho vay DN XNK

Nhận diện rủi ro trong cho vay DN XNK là quá trình xác định liên tục và có hệ thống. Rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK có thể được nhận biết dựa trên các yếu tố đặc thù cấu thành tạo nên rủi ro cho vay của từng sản phẩm hay hoạt động ngân hàng như khách hàng và ngành hàng, sản phẩm, trình độ của cán bộ ngân hàng, mức độ tập trung danh mục tín dụng. Ngoài ra, việc nhận diện rủi ro còn dựa trên các dấu hiệu cảnh báo sớm, tập trung vào hai nhóm dấu hiệu tài chính và dấu hiệu phi tài chính của doanh nghiệp vay.

Để nhận diện rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK, các ngân hàng thường thực hiện các phương pháp: Rà soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp và hồ sơ khoản vay; Phân tích thông tin tài chính; Thăm thực địa, kiểm tra trực tiếp hoạt động của khách hàng;

b. Đo lường rủi ro

Đo lường rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK là việc lượng hóa mức độ các rủi ro cũng như biết được xác suất xảy ra rủi ro, mức độ tổn thất khi rủi ro xảy ra để xem xét khả năng chấp nhận nó của ngân hàng, và từ đó ra quyết định cho vay một cách đúng đắn nhất.

Các công cụ đo lường rủi ro cho vay rất đa dạng bao gồm định lượng và định tính. Trong luận văn này nghiên cứu một số công cụ đo lường rủi ro cho vay DN XNK phổ biến như sau:

- Mô hình 6C (Mô hình định tính).
- Mô hình điểm số Z (Mô hình định lượng).
- Chấm điểm tín dụng và xếp loại tín dụng.
- Tính tổn thất dự kiến EL (expected loss).

c. Kiểm soát rủi ro

Kiểm soát rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK là các hoạt động thường xuyên nhằm để giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, giảm thiểu mức độ thiệt hại. Các kỹ thuật kiểm soát rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK thường được sử dụng, gồm: Né tránh; ngăn ngừa rủi ro; giảm thiểu tổn thất; đa dạng hóa sản phẩm nhằm phân tán rủi ro.

Thông thường các ngân hàng thương mại thực hiện thể chế hóa các biện pháp, kỹ thuật kiểm soát rủi ro thông qua hệ thống các văn bản chính sách của mình, mà nội dung chính thể hiện qua việc xây dựng chính sách cho vay và tổ chức hoạt động cho vay.

d. Tài trợ rủi ro

Tài trợ rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK là việc sử dụng những kỹ thuật, công cụ để tài trợ cho chi phí của rủi ro và tổn thất. Đây là các hoạt động triển khai bù đắp về mặt tài chính những tổn thất đã xảy ra. Các ngân hàng thường sử dụng phổ biến một số công cụ tài trợ rủi ro trong cho vay doanh nghiệp XNK như: Bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro, bán nợ, hợp đồng trao đổi tín dụng, phát mãi tài sản, yêu cầu bên thứ 3 trả nợ thay, khởi kiện, các biện pháp khuyến khích trả nợ, tham gia bảo hiểm, chứng khoán hóa các khoản nợ ...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 trình bày một các khái quát cơ sở lý luận về cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu, rủi ro cho vay và quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Trọng tâm của Chương 1 đề cập chi tiết đến quá trình quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK với 4 nội dung cơ bản : Nhận diện rủi ro - Đo lường rủi ro - Kiểm soát rủi ro - Tài trợ rủi ro. Những vấn đề trên sẽ là cơ sở cho việc thực hiện các mục tiêu nghiên cứu thực trạng quản trị rủi ro cho vay DN XNK tại BIDV Bình Định trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ BIDV BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 30/03/1977 Chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết tỉnh Nghĩa Bình - tiền thân của BIDV Bình Định hiện nay - ra đời.

Qua nhiều lần thay đổi, đến tháng 5/2012, BIDV đã được cổ phần hóa, BIDV Bình Định chính thức có tên đầy đủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

2.1.2. Mô hình tổ chức và quản lý

Mô hình tổ chức hệ thống BIDV Bình Định đã dần được hoàn thiện theo mục tiêu chuyển đổi từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng hiện đại, đa năng. Hiện tại mô hình tổ chức quản lý của BIDV Bình Định gồm: Ban giám đốc, 19 phòng được phân làm 5 khối. Về cơ bản đã phân tách về mặt tổ chức giữa khối kinh doanh, khối quản lý rủi ro và khối tác nghiệp.

2.1.3. Các nguồn lực chủ yếu

- Cơ sở vật chất của BIDV Bình Định không ngừng gia tăng về số lượng qua các năm, đồng thời liên tục đổi mới, nhất là thiết bị tin học nhằm gia tăng năng suất, chất lượng hoạt động.

- Nguồn nhân lực: Lãnh đạo BIDV Bình Định rất quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ cả về chuyên môn lẫn chính trị.

- Tài chính: Hoạt động của BIDV Bình Định luôn đạt hiệu quả cao, có đủ nguồn lực tài chính để trích lập đủ quỹ DPRR.

2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh giai đoạn 2010-2012

- Huy động vốn: Huy động vốn cuối năm 2012 đạt 4.808 tỷ đồng tăng 50,6% so với 2011 và năm 2011 tăng so năm 2010 là 31,4%.

- Tín dụng: Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân giai đoạn này đạt 16% (2011 : 16,9%; 2012: 15%), chủ yếu tập trung cho vay các lĩnh vực, đối tượng ưu tiên của chính phủ, các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tinh nhà. Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt với tỷ lệ nợ xấu dưới 1%.

- Dịch vụ khác: thu từ dịch vụ khác đóng góp quan trọng vào lợi nhuận của ngân hàng và tăng qua các năm, nguồn thu lớn tập trung vào một số dịch vụ truyền thống như bảo lãnh, thanh toán, tài trợ thương mại, kinh doanh ngoại tệ.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 162 tỷ đồng tăng 23,7% so với năm 2011, cao hơn tỷ lệ tăng năm 2011 là 19,1%, trích đủ dự phòng rủi ro theo quy định.

2.2. TÌNH HÌNH CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI BIDV BÌNH ĐỊNH

2.2.1. Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Định

Hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh Bình Định liên tục tăng qua các năm, đến cuối năm 2012 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 700 triệu USD.

2.2.2. Kết quả cho vay xuất nhập khẩu của BIDV Bình Định

a. Tăng trưởng dư nợ, số lượng khách hàng

Dư nợ cho vay doanh nghiệp XNK của BIDV Bình Định đến cuối năm 2012 đạt 982 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17% tổng dư nợ cho

vay. Tốc độ tăng trưởng dư nợ XNK năm 2010 là 23%, năm 2011 tăng 28%, và cao nhất là năm 2012 tăng 34%.

Số lượng doanh nghiệp XNK có quan hệ tín dụng tại BIDV Bình Định cũng tăng đều qua các năm, chiếm tỷ trọng tương ứng với tỷ trọng dư nợ XNK trên tổng số toàn Chi nhánh.

b. Thu nhập từ cho vay XNK

Thu nhập từ hoạt động cho vay XNK đóng góp lớn vào tổng thu nhập của BIDV Bình Định và tăng trưởng qua các năm, đến năm 2012 chiếm trên 33% tổng thu nhập từ cho vay.

2.2.3. Cơ cấu cho vay của BIDV Bình Định đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu

a. Theo kỳ hạn vay, theo loại tiền vay

Cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng cao hơn và tăng trưởng qua các năm (năm 2012: 67%). Tỷ trọng cho vay ngoại tệ có xu hướng giảm (còn 40% năm 2012).

b. Theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Các khách hàng XNK tại BIDV Bình Định chủ yếu hoạt động trong xuất nhập khẩu gạo, thủy sản, gỗ, phân bón, khoáng sản. Ngoài ra còn nhập khẩu một số máy móc thiết bị phụ vụ đầu tư các nhà máy chế biến đường, thủy điện,...

c. Theo loại hình doanh nghiệp

Khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng dư nợ cho vay cao nhất, trên 76%. Tuy nhiên doanh nghiệp nhà nước vẫn duy trì ở một tỷ lệ khá cao, thể hiện vai trò chủ đạo của khối doanh nghiệp nhà nước trong hoạt động XNK trên địa bàn tỉnh Bình Định.

d. Theo quy mô doanh nghiệp

Dư nợ cho vay XNK tập trung vào các doanh nghiệp lớn, trên 87%. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có tỷ trọng thấp.

e. Theo địa bàn

Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hiện tại BIDV Bình Định đang cho vay tập trung tại địa bàn thành phố Quy Nhơn, trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI BIDV BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2012

2.3.1. Thực trạng công tác nhận diện rủi ro

a. Nhận diện dấu hiệu rủi ro qua công tác quản lý rủi ro tác nghiệp

Công tác nhận diện dấu hiệu rủi ro trong cho vay doanh nghiệp XNK tại BIDV Bình Định được thực hiện theo quy định của Tổng Giám đốc BIDV về quản lý rủi ro tác nghiệp. Kết quả nhận diện cho thấy số lỗi giảm dần, từ 37 lỗi năm 2010 xuống còn 22 lỗi năm 2012. Quy định về quản lý rủi ro tác nghiệp của BIDV được xây dựng rất chi tiết, khoa học nhưng chưa đi vào các dấu hiệu trực tiếp phản ánh rủi ro của khách hàng.

b. Nhận diện dấu hiệu rủi ro qua quy trình cấp tín dụng

Qua thực hiện các khâu thẩm định, rà soát hồ sơ vay theo quy trình cấp tín dụng, cán bộ tín dụng phát hiện những dấu hiệu rủi ro. Kết quả thực hiện năm 2010-2012, tỷ lệ số món vay của doanh nghiệp XNK bị từ chối cho vay thấp (bình quân 0,3%), trong khi đó số món vay bổ sung hồ sơ nhiều hơn (trên 4%). Việc nhận diện rủi ro qua thực hiện quy trình cho vay đã nhận diện được các dấu hiệu rủi ro từ khoản vay, dấu hiệu rủi ro từ khách hàng vay, khắc phục được hạn chế trong nhận diện rủi ro qua quản lý rủi ro tác nghiệp.

c. Nhận diện rủi ro về tỷ giá hối đoái, rủi ro về lãi suất

Trong năm 2012, tỷ giá USD/VND tương đối ổn định nên các

doanh nghiệp ít bị rủi ro bởi yếu tố này. Trong những năm qua, lãi suất cho vay liên tục tăng cao đã làm giảm khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Công tác nhận diện dấu hiệu rủi ro tỷ giá, lãi suất hiện do phòng kế hoạch tổng hợp đầu mối thực hiện.

d. Mức độ tập trung danh mục tín dụng XNK

- Về ngành nghề: chưa đa dạng, chủ yếu tập trung vào một số ngành như gạo, gỗ, phân bón, thủy sản.

- Về quy mô khách hàng: tập trung chủ yếu khách hàng lớn, nguy cơ tăng cao mức độ rủi ro khi có rủi ro xảy ra.

e. Thực trạng trình độ cán bộ tín dụng trong nhận diện rủi ro

Lực lượng cán bộ làm công tác tín dụng chiếm tỷ trọng khá cao, với trình độ đào tạo đại học và trên đại học.

2.3.3. Thực trạng công tác đo lường rủi ro

a. Rủi ro từ khách hàng vay

- Việc đánh giá rủi ro từ khách hàng vay được BIDV thực hiện theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Kết quả xếp hạng qua các năm 2010-2012 cho thấy khách hàng XNK tại BIDV Bình Định có chất lượng tín dụng tốt, ít rủi ro, không có khách hàng nhóm D.

Hệ thống định hạng tín dụng nội bộ của BIDV được phát triển theo hướng đo lường rủi ro tín dụng riêng biệt và mô phỏng theo mô hình điểm số tín dụng. Tuy nhiên, kết cấu của hệ thống này vẫn còn nhiều bất cập, kết quả chấm điểm phân loại nợ còn nhiều khác biệt so với cách phân loại nhóm nợ theo qui định của Ngân hàng Nhà nước.

- Ngoài ra, hiện nay cán bộ tín dụng BIDV còn thực hiện đánh giá rủi ro khách hàng vay theo các tiêu chí hướng dẫn trong quy trình cấp tín dụng. Các khía cạnh định tính của mô hình "6C", các chỉ số định lượng của mô hình điểm số Z đã được sử dụng để phân tích.

b. Đánh giá rủi ro từ khoản vay

Việc đánh giá rủi ro từng khoản vay của BIDV hiện chưa có công cụ hỗ trợ chuyên biệt và bài bản, mà chủ yếu thực hiện theo các hướng dẫn đánh giá trong các quy trình cấp tín dụng.

Tuy nhiên, việc đánh giá do cán bộ tín dụng tự phân tích, suy luận theo kinh nghiệm, dựa trên thông tin số liệu do doanh nghiệp cung cấp, thông tin tự thu thập được, ... nên còn mang nặng yếu tố chủ quan. Hơn nữa, cách đánh giá rủi ro khoản vay hiện nay của cán bộ tín dụng cũng chỉ mới đưa ra thông tin là khoản vay có rủi ro hay không, và cũng kết luận mức độ rủi ro mang tính chất so sánh giữa khoản vay này với khoản vay khác khoản vay nào rủi ro hơn, chứ chưa đưa ra được cụ thể số liệu về mức độ rủi ro là bao nhiêu, mức độ tổn thất khi khoản vay gặp rủi ro.

c. Đánh giá mức độ rủi ro tác nghiệp

Theo quy định về quản lý rủi ro tác nghiệp, sau khi tổng hợp được các dấu hiệu rủi ro cho vay, Phòng quản lý rủi ro tiến hành lập ma trận rủi ro để xếp loại mức độ rủi ro. Việc đánh giá mức độ rủi ro tác nghiệp trong công tác tín dụng không đi chi tiết từng khách hàng, từng khoản vay, mà chỉ đánh giá tổng hợp toàn hệ thống.

2.3.4. Thực trạng công tác kiểm soát rủi ro

Các kỹ thuật kiểm soát rủi ro cho vay XNK tại BIDV Bình Định được thể hiện trong hệ thống các văn bản thực thi chính sách tín dụng: Chính sách khách hàng; Quy trình cho vay; Chính sách định giá tài sản đảm bảo; Quy chế phân cấp ủy quyền trong phán quyết tín dụng; Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ; Chính sách lãi suất.

➤ *Né tránh rủi ro:* Kỹ thuật này tại BIDV Bình Định được thể hiện khá rõ nét thông qua chính sách khách hàng. Mục tiêu chính

sách khách hàng nhằm chọn lọc khách hàng vay vốn, chủ động né tránh rủi ro cho vay bằng chính sách cấp cho vay riêng cho từng nhóm khách hàng. Căn cứ vào kết quả đo lường rủi ro từ hệ thống định hạng tín dụng nội bộ, khách hàng sẽ được BIDV Bình Định xếp thành 10 mức xếp hạng và phân thành 7 nhóm khách hàng để áp dụng chính sách cụ thể khác nhau theo từng nhóm.

➤ *Ngăn ngừa rủi ro*: BIDV Bình Định triển khai áp dụng kỹ thuật ngăn ngừa rủi ro thông qua quy trình cho vay và quy chế phân cấp ủy quyền trong phán quyết tín dụng.

➤ *Giảm thiểu tổn thất*: kỹ thuật này được BIDV Bình Định sử dụng chủ yếu dựa trên cơ sở tài sản đảm bảo của khách hàng, và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. BIDV Bình Định rất chú trọng đến các biện pháp bảo đảm tiền vay, với các hình thức đa dạng như: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3, ký quỹ ... Đồng thời BIDV Bình Định luôn ưu tiên dành nguồn tài chính trích đủ dự phòng rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay doanh nghiệp XNK.

➤ *Các kỹ thuật kiểm soát rủi ro khác*:

- Đa dạng hóa sản phẩm nhằm phân tán rủi ro.
- Xây dựng hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro.

2.3.5. Thực trạng công tác tài trợ rủi ro

Để xử lý các khoản vay rủi ro, BIDV Bình Định thành lập Ban xử lý nợ xấu gồm các thành viên là lãnh đạo các phòng nghiệp vụ liên quan. Thông thường, một khoản vay khi phát sinh rủi ro, BIDV Bình Định tập trung thực hiện mọi biện pháp để thu hồi nợ, ưu tiên việc thuyết phục sự hợp tác của khách hàng dùng các nguồn tiền khác để trả nợ, kết hợp thu hồi công nợ, phát mại tài sản, bán nợ, kiện ra tòa, ... và cuối cùng là xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro.

➤ *Về biện pháp xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro:* Tỷ lệ nợ xấu doanh nghiệp XNK được xử lý từ nguồn dự phòng rủi ro luôn chiếm tỷ trọng rất cao và tăng qua các năm.

➤ *Về biện pháp mua bán nợ:* Giai đoạn 2010-2012 BIDV Bình Định chưa bán nợ khoan vay nào của doanh nghiệp XNK.

Các công cụ tài trợ rủi ro tín dụng hiện BIDV Bình Định đang sử dụng còn rất đơn điệu, chủ yếu vẫn là phát mãi tài sản, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập hàng năm.

2.3.6. Kết quả quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK tại BIDV Bình Định giai đoạn 2009-2012

Trong những năm qua, chất lượng cho vay XNK của BIDV Bình Định ở mức tốt, nợ xấu thấp, đến cuối năm 2012 chỉ ở mức 0,03%, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu chung của tổng dư nợ, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu bình quân toàn hệ thống BIDV. Nợ xấu tập trung chủ yếu nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), chưa phát sinh nợ nhóm 4, nhóm 5 (nợ nghi ngờ, nợ có khả năng mất vốn). BIDV Bình Định cũng đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ cho các khoản vay của doanh nghiệp XNK theo mức độ rủi ro, tài sản đảm bảo của từng khoản vay, đồng thời gia tăng thêm tài sản đảm bảo nhằm hạn chế tổn thất.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.4.1. Thành công trong quản trị rủi ro

- Công tác định hướng tốt đã góp phần phòng ngừa rủi ro.
- BIDV Bình Định đã xây dựng được một mô hình quản trị rủi ro tín dụng tương đối chặt chẽ.
- Công tác nhận diện rủi ro mang đến hiệu quả tích cực.
- Vận hành tốt hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV.
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.
- Công tác xử lý, tận thu nợ xấu được tập trung quyết liệt.

2.4.2. Những tồn tại, hạn chế

➤ Hoạt động của bộ máy quản trị rủi ro tín dụng chưa thật sự phát huy hiệu quả. Mặc dù phòng quản lý rủi ro có ý kiến độc lập, nhưng vẫn thuộc sự quản lý và chi phối của Giám đốc, do đó không thể thực hiện đúng thẩm quyền và sự khách quan về các ý kiến.

➤ Về công tác nhận diện rủi ro cho vay:

- Việc báo cáo, thống kê các dấu hiệu rủi ro tín dụng thường không phản ánh khách quan, đầy đủ và chính xác

- Các dấu hiệu rủi ro từ khách hàng chưa được chú trọng nhận dạng trong quá trình quản lý rủi ro tác nghiệp.

➤ Về quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng hiện tại của BIDV Bình Định có một số mặt hạn chế sau:

- Nguồn số liệu chưa đáng tin cậy do báo cáo tài chính của doanh nghiệp chưa bắt buộc phải kiểm toán.

- Về các chỉ tiêu để đánh giá xếp hạng: cơ cấu điểm giữa các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính còn chưa hợp lý, thiên về chỉ tiêu phi tài chính, phụ thuộc lớn vào ý chí người chấm điểm.

➤ Về công tác kiểm soát rủi ro:

- Chính sách khách hàng: trong chính sách khách hàng chưa xác định được thị trường mục tiêu, chưa xác định được các ngành nghề trọng yếu phát triển tín dụng, nhất là trong cho vay XNK; chưa định hướng được danh mục cho vay XNK phù hợp với từng thời kỳ;

- Quy trình cho vay theo Quyết định 3999 hiện áp dụng chung cho nhóm đối tượng khách hàng là doanh nghiệp mà vẫn chưa có quy trình cụ thể cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp XNK nên vẫn còn một số hạn chế do chưa đi sâu vào những đặc trưng riêng của doanh nghiệp XNK so với doanh nghiệp khác.

- Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kiểm soát rủi ro còn

bất cập, chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc nên việc kiểm tra nội bộ trong thời gian qua chưa thực sự độc lập và khách quan.

➤ Công tác tài trợ rủi ro: các công cụ tài trợ rủi ro tín dụng hiện BIDV Bình Định đang sử dụng còn rất đơn điệu, chủ yếu vẫn là phát mãi tài sản để thu hồi nợ, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn phân tích cụ thể tình hình kinh doanh giai đoạn 2010-2012 của BIDV Bình Định. Trọng tâm của chương 2 tập trung nghiên cứu quá trình quản trị rủi ro cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình Định. Dựa trên cơ sở lý luận đã được đề cập ở chương 1 phân tích thực trạng công tác quản trị rủi ro cho vay với 4 nội dung cơ bản : Công tác nhận diện - Đo lường - Kiểm soát - Tài trợ rủi ro. Qua đó phát hiện ra những hạn chế tồn tại trong công tác quản trị rủi ro cho vay. Đây chính là cơ sở quan trọng để tác giả đưa ra những giải pháp, những kiến nghị tăng cường công tác quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại BIDV Bình Định nhằm đạt được những mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

CHƯƠNG 3

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO CHO VAY DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

3.1. CÁC CĂN CỨ (ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU)

3.1.1. Định hướng phát triển hoạt động XNK của tỉnh Bình Định

Kim ngạch xuất khẩu 5 năm 2011-2015 là 2,8tỷUSD, trong đó năm 2013 là 560 triệu USD, tăng 7,3% so với năm 2012.

3.1.2. Quan điểm, mục tiêu của BIDV Bình Định về cho vay và quản trị rủi ro trong cho vay đối với doanh nghiệp XNK

a. Định hướng chung

Chính sách tín dụng cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với chiến lược hoạt động kinh doanh từng thời kỳ.
- Tuân thủ pháp luật.
- Tôn trọng quyền tự quyết của Giám đốc Chi nhánh.
- Đề cao trách nhiệm cá nhân.
- Hạn chế mức độ tập trung danh mục cho vay.

b. Mục tiêu chung

- Kiểm soát tăng trưởng tín dụng XNK phù hợp từ 13%-15%/năm. Chú trọng phát triển cho vay xuất khẩu, lựa chọn cho vay nhập khẩu ở những mặt hàng thiết yếu, an toàn, hiệu quả.

- Cơ cấu lại danh mục cho vay XNK hợp lý.

- Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5% đến năm 2013 và đến 2015 kiểm soát dưới 2%.

- Phát triển hệ thống quản trị RRTD phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của ủy ban Basel.

3.2. HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XNK TẠI BIDV BÌNH ĐỊNH

3.2.1. Tăng cường công tác nhận diện rủi ro

** Bổ sung thêm nhóm dấu hiệu rủi ro liên quan đến khoản vay, khách hàng vay trong quy định quản lý rủi ro tác nghiệp hiện nay.*

- Bổ sung việc thống kê nhóm thông tin dấu hiệu rủi ro liên quan đến từng khoản vay, từng khách hàng vay, trong đó cần thiết phải có các dấu hiệu rủi ro đặc thù của cho vay doanh nghiệp XNK.

- Thiết lập hệ thống thang điểm rủi ro cho mỗi nhóm thông tin.

- Đầu tư hệ thống công nghệ, phần mềm để hỗ trợ.

** Xây dựng quy trình cho vay riêng đối với doanh nghiệp XNK:*

Việc xây dựng quy trình riêng cho vay doanh nghiệp XNK dựa trên cơ sở, nền tảng của quy trình cho vay doanh nghiệp hiện nay của BIDV, trong đó bổ sung thêm những nội dung phân tích, đánh giá liên quan đến những đặc điểm riêng biệt của doanh nghiệp XNK và hoạt động kinh doanh XNK.

** Tăng cường vai trò cảnh báo rủi ro của Phòng Quản lý rủi ro:*

- Thành lập tổ nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô trực thuộc phòng Quản lý rủi ro.

- Tất cả các khoản vay của doanh nghiệp có nhóm nợ mức độ rủi ro trung bình (BBB) trở lên, đều thông qua Quản lý rủi ro.

** Nâng cao trình độ cho cán bộ tín dụng bằng nhiều hình thức:*

Thực tiễn cho thấy chất lượng một khoản vay tốt tùy thuộc rất lớn vào chất lượng thẩm định khoản vay ngay từ đầu. Để chất

lượng thâm định tốt đòi hỏi phải nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ tín dụng.

** Nâng cao chất lượng thông tin tín dụng:*

- Phối hợp cùng NHNN địa phương với vai trò là đầu mối, thực hiện kết nối kho thông tin dữ liệu giữa các NHTM.

- Phòng quản lý rủi ro đầu mối tổng hợp và đưa ra các phân tích, cung cấp các thông tin hữu ích cho toàn bộ Chi nhánh.

- Thiết nên lập thêm các mối liên hệ với các tổ chức, dịch vụ cung cấp thông tin khác như: các sở ngành, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các doanh nghiệp, các ngân hàng khác...

3.2.2. Hoàn thiện công tác đo lường rủi ro

** Xây dựng quy trình cho vay riêng đối với doanh nghiệp XNK, đồng thời bổ sung một số công cụ đo lường rủi ro khoản vay:*

- Đo lường rủi ro khách hàng vay bằng mô hình điểm số Z của E.I.Altman, có điều chỉnh với thang điểm phù hợp với thực tế khách hàng của Việt Nam.

- Bổ sung chỉ số xác suất rủi ro dự kiến hay tổn thất dự kiến khi xác định rủi ro khoản vay.

- Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ rủi ro tín dụng như tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu, ... xây dựng thang điểm cho từng chỉ tiêu để chấm điểm rủi ro tín dụng chung.

** Hoàn thiện thêm hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ:*

Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho từng đối tượng khách hàng cho vay, trong đó quy định rõ tiêu chí chấm điểm, phân loại cho doanh nghiệp XNK, thay đổi cơ cấu điểm giữa các chỉ tiêu định tính và định lượng theo hướng tăng tỷ trọng điểm chỉ tiêu định lượng, trong đó tăng tỷ trọng điểm các chỉ tiêu tài chính lên 44-50% tổng điểm (thay vì 25-35% như hiện nay).

3.2.3. Đổi mới công tác kiểm soát và xử lý rủi ro

** Ban hành chính sách khách hàng phù hợp từng giai đoạn:*

- Xây dựng chính sách riêng của BIDV Bình Định trong từng năm, trong đó định hướng rõ thị trường mục tiêu, danh mục doanh nghiệp XNK cần đẩy mạnh quan hệ.

- Xây dựng và áp dụng những chính sách cho vay khác nhau với từng đối tượng.

** Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ của phòng quản lý rủi ro:*

- Thiết lập kênh trao đổi thông tin khách quan giữa bộ phận kiểm soát của Chi nhánh và Hội sở chính;

- Lựa chọn những người có kinh nghiệm, trình độ làm công tác kiểm soát tại chi nhánh;

- Đề ra quy chế luân chuyển kiểm soát viên giữa các chi nhánh.

** Cải tiến quy trình cho vay phù hợp và hiệu quả.*

** Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng nhằm phân tán rủi ro.*

** Tăng cường kiểm tra định giá lại tài sản đảm bảo nợ vay :*

** Thường xuyên rà soát lại các khoản vay.*

** Phân công quản lý doanh nghiệp XNK tập trung về một đầu mối.*

** Chú trọng công tác quản lý danh mục cho vay doanh nghiệp XNK.*

3.2.4. Tích cực phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro

** Tích cực sử dụng các công cụ bảo hiểm và bảo đảm tiền vay:*

- Đề nghị khách hàng vay mua bảo hiểm cho tài sản liên quan đến khoản vay.

- Thực hiện bảo hiểm người vay, nhất là các doanh nghiệp có chủ doanh nghiệp lớn tuổi và còn trong độ tuổi được bảo hiểm.

- Xem xét kỹ tính pháp lý của tài sản đảm bảo, tuân thủ quy định về các thủ tục pháp lý, công chứng và đăng ký đầy đủ tài sản đảm bảo theo quy định trước khi giải ngân.

** Thực hiện nghiêm túc việc trích lập dự phòng bù đắp rủi ro:*

BIDV Bình Định cần tiếp tục ưu tiên dành nguồn tài chính trích lập dự phòng rủi ro trong bất kỳ điều kiện nào, kể cả trong hoàn cảnh khó khăn. Đặc biệt, cần lưu ý tác động do các điều kiện mới theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Nếu thực hiện theo quy định mới này thì khả năng mức phải trích dự phòng rủi ro của BIDV Bình Định sẽ tăng cao hơn hiện nay.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với BIDV Trung ương

- Hoàn thiện mô hình bộ máy quản trị rủi ro tín dụng.
- Hoàn thiện mô hình chấm điểm, xếp hạng tín dụng khách hàng.
- Xây dựng các quy trình, quy định riêng cho vay doanh nghiệp XNK trên cơ sở quy trình cho vay doanh nghiệp chung.
- Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin tín dụng nội bộ.
- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ tín dụng.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ của các Chi nhánh trong công tác cho vay.

3.3.2. Đối với Tỉnh Bình Định

- Tích cực chỉ đạo và hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thông qua các hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu.

- Có chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp XNK.
- Chỉ đạo các Sở ngành liên quan hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp trong thủ tục đầu tư, mặt bằng, đất đai.
- Hàng năm tổ chức các hội chợ thương mại, chương trình xúc tiến thương mại ở nước ngoài với sự tham gia của DN XNK.
- Cầu nối với các đại sứ quán, tham tán ở nước ngoài nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khi gặp khó khăn.

3.3.3. Đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu

- Cung cấp các thông tin trung thực, chính xác cho ngân hàng.
- Tăng vốn tự có, tài sản đảm bảo.
- Có kế hoạch, phương án quản lý, sử dụng vốn hiệu quả, sử dụng tốt các công cụ tài chính phái sinh.
- Nâng cao trình độ am hiểu thị trường, pháp luật, kinh nghiệm trong hoạt động XNK. Nên có bộ phận XNK riêng, chuyên sâu.
- Đầu tư cho công tác nghiên cứu thị trường, lựa chọn khách hàng uy tín, lựa chọn các hình thức giao hàng, thanh toán an toàn.
- Tham gia bảo hiểm đầy đủ theo yêu cầu của ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở kết hợp lý luận và thực tiễn công tác quản trị rủi ro trong cho vay doanh nghiệp XNK giai đoạn 2010-2012 của BIDV Bình Định, tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quá trình quản trị rủi ro cho vay XNK của BIDV Bình Định nói riêng và BIDV nói chung; đồng thời cũng nêu lên một số đề xuất kiến nghị đối với chính quyền tỉnh Bình Định và các doanh nghiệp XNK nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động quản trị rủi ro cho vay XNK của các NHTM.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, BIDV nói chung và BIDV Bình Định nói riêng luôn định hướng phục vụ các doanh nghiệp XNK là mục tiêu quan trọng góp phần cũng các doanh nghiệp XNK thúc đẩy quá trình phát triển và hội nhập của đất nước, qua đó nâng cao vị thế của BIDV so với các ngân hàng khác, đồng thời cải thiện cơ cấu thu nhập từ hoạt động cho vay.

Chất lượng cho vay doanh nghiệp XNK của BIDV Bình Định hiện đang ở mức độ khá tốt. Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu gần đây ngày càng phức tạp và rủi ro hơn, có nguy cơ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng tín dụng XNK của ngân hàng. BIDV Bình Định cần phát huy những lợi thế đang có, đồng thời tích cực hoàn thiện một số mặt để nâng cao chất lượng quản trị rủi ro trong cho vay XNK.

Luận văn được viết trên nền tảng lý thuyết về quản trị rủi ro tín dụng, các rủi ro trong cho vay XNK, cùng với những kinh nghiệm thực tế tại BIDV Bình Định, và sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn. Xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu, luận văn trung thành với kết cấu: hệ thống hóa lý luận, phân tích thực tiễn, nêu ra giải pháp cho 4 quá trình cơ bản quản trị rủi ro cho vay doanh nghiệp XNK là Nhận diện - Đo lường - Kiểm soát - Tài trợ rủi ro. Qua đó, phần nào đã giải quyết được các vấn đề cơ bản theo mục tiêu nghiên cứu của luận văn. Tuy nhiên, do những hạn chế về kiến thức, cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn trong môi trường kinh doanh luôn biến đổi nhanh chóng, nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến của những người quan tâm để có thể tiếp tục hoàn thiện đề tài ở mức cao hơn.